

3.1 TRƯỜNG LÃO TĂNG KỆ CHƯƠNG I - MỘT KỆ PHẨM MỘT

Đảnh Lễ Đức Thế Tôn Bậc A-La-Hán Chánh Đẳng Giác

(I) *Subhùti* (Thera. 1)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi*, trong gia đình vị Cố vấn *Sumana*, em trai Ông *Anàthapindika* (Cấp Cô Độc), được đặt tên là *Subhùti*. Trong ngày ông Cấp Cô Độc dâng cúng vườn Kỳ Viên cho đức Phật, ngài có chứng kiến. Sau khi nghe pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Thọ Đại giới xong, ngài thâm hiểu hai loại giới luật. Được Thế Tôn cho một đề tài đề thiền quán, ngài đi vào rừng để hành thiền. Sau khi triển khai thiền quán, ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài bắt đầu thuyết pháp, không phân biệt giới hạn, được trở thành vị Tỷ-kheo đệ nhất về hạnh Từ vô lượng. Khi Ngài đi khát thực, ngài vẫn hành thiền, và khi xuất thiền, ngài mới nhận đồ ăn, và như vậy đem lại công đức lớn cho thí chủ và ngài trở thành vị xứng đáng được bố thí đệ nhất. Do vậy, Thế Tôn có nói: 'Này các Tỷ-kheo, *Subhùti* được xem là vị Tỷ-kheo đệ nhất về hạnh từ bi vô lượng, xứng đáng được cúng dường'.

Bậc Đại đệ tử này, trong khi đi khát thực đi đến Vương Xá, vua *Bimbisàra* (Bình-sa) nghe ngài đến, liền đến kính chào và xin dựng một chỗ ở cho ngài, nhưng rồi vua quên, ngài không nhận được chỗ ở, nên hành thiền ngoài trời. Vì thái độ nghiêm túc của ngài, trời không mưa và do vậy nạn hạn hán đe dọa dân chúng, quân chúng tụ họp than phiền ồn ào trước hoàng cung. Vua tìm hiểu nguyên nhân vì sao trời không mưa và nghĩ rằng có lẽ vì ngài *Subhùti* hành thiền ngoài trời. Vua cho làm các am thất bằng lá cho ngài, và khi ngài vào ngồi thiền trong am thất ấy, trời bắt đầu mưa từng hột một chớ không mưa ào ào. Ngài muốn quân chúng khỏi sợ hạn hán, tuyên bố rằng, không có sự sợ hãi gì đe dọa ngài, từ phía ngoài hay từ phía trong, với những bài kệ như sau:

1. *Am thất ta khéo lợp,
An lạc, ngăn chặn gió,
Thần mưa, hãy mưa đi,
Mưa như ý Ngươi muốn!
Tâm ta khéo định tĩnh,
Giải thoát, sống tinh cần,
Thần mưa, hãy mưa đi!
Thần mưa, hãy mưa đi!*

(II) *Mahàkotthita* (Thera. 1)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở *Sàvatthi*, trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu có và được đặt tên là *Kotthita* (Câu-hy-la). Khi đến tuổi trưởng thành, ngài học ba tập *Veda* và thành tựu các đức tánh của vị Bà-la-môn, ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia. Thực hiện thiền quán từ khi mới xuất gia, ngài chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thực. Rồi bậc Đạo Sư, sau khi xác nhận các quả chứng ngài đã được trong kinh *Vedalla*, xác nhận ngài là bậc thiền quán đệ nhất.

Sau một thời gian, ý thức được sự an lạc giải thoát, ngài nói lên bài kệ này:

2. *Tịch tịnh và chỉ tức,
Tụng đọc lời trí tuệ,
Tâm tư không tháo động,
Ác pháp được vứt bỏ,
Giống như những lá cây,
Bị gió thổi phiêu bạt.*

(III) *Kankha-revata* (Thera. 2)

Trong thời đức Phật hiện tại ngài sanh vào trong một gia đình giàu có ở *Sàvatthi*. Khi ngài đứng vào vòng ngoài của những người đứng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Ngài chứng quả A-la-hán nhờ hành thiền, ngài trở thành lão luyện trong thiền định và bậc Đạo Sư tuyên bố ngài là hành thiền đệ nhất.

Sự nghiệp đã thành tựu, ngài nghĩ đến sự nghi ngờ lẩn chiếm tâm tư, và nay nghi ngờ đã được đoạn tận, ngài tán thán sức mạnh và trí tuệ của bậc Đạo Sư, nhờ vậy nay tâm tư ngài được định tĩnh và kiên trì.

Ngài nói:

3. *Hãy thấy trí tuệ này
Của những bậc Như Lai,
Như lửa cháy nửa đêm,
Cho ánh sáng, cho mắt,
Họ nhiếp phục nghi ngờ
Cho những ai đi đến.*

(IV) Punna Mamtàniputta (Thera. 2)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh vào một gia tộc Bà-la-môn, trong làng Bà-la-môn *Donavatthu*, không xa *Kapilavatthi* (Ca-tỳ-la-vệ). Ngài là con trai của người chị của Trưởng lão *Kondanna* và được đặt tên là *Punna*. Sau khi làm tròn bổn phận của một người Sa-di, ngài tinh tấn nỗ lực cho đến khi chứng được quả cao nhất. Rồi ngài đi với người cậu ngài đến sống gần bậc Đạo Sư, từ bỏ miền phụ cận *Kapilavatthu*, chuyên tâm tu hành, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài *Punna* có đến năm trăm đồ chúng cùng ở trong gia tộc ngài, và tất cả đều xuất gia. Vì ngài giỏi về mười căn bản của thuyết giảng, ngài dạy cho các đệ tử của ngài lão luyện về mười căn bản này cho đến khi các vị này chứng quả A-la-hán. Các đệ tử ngài yêu cầu ngài đưa họ đến yết kiến bậc Đạo Sư, nhưng ngài nghĩ không nên đi với số đồ chúng như vậy, liền bảo họ đi trước còn ngài đi sau. Các vị ấy là đồng hương với đức Phật, đã đi bộ sáu mươi do tuần đến Vương Xá, đến tại ngôi tịnh xá Trúc Lâm và đánh lễ bậc Đạo Sư. Đức Phật hỏi ai đồng hương với Ngài có thể giảng được về đời sống giản dị, và các vị này giới thiệu ngài *Punna*. Khi bậc Đạo Sư đi từ Vương Xá đến *Savatthi*, ngài *Punna* cũng đi đến *Savatthi*, tại đây ngài được dạy về Chánh pháp. Rồi ngài đi vào rừng *Andha* để suy tư về Chánh pháp. Tôn giả *Sariputta* cũng đi theo vào rừng và đàm đạo Chánh pháp với *Punna*. Bậc Đạo Sư tuyên bố *Punna* là bậc thuyết pháp đệ nhất.

Một hôm, suy tư trên sự giải thoát chứng đạt, ngài suy tư như sau: 'Đối với ta và nhiều vị khác đã thoát khỏi đau khổ, thật là giúp đỡ lớn nếu thân cận với bạn lành!'. Với sự hoan hỷ phấn khởi, ngài nói lên bài kệ này:

4. *Hãy thân cận người hiền,
Bậc hiền minh thấy nghĩa,
Nghĩa lớn và thâm sâu,
Khó thấy, tế, tế nhị,
Bậc trí chứng đạt được,
Không phóng dật, chủ tâm.*

(V) Dabba (Thera. 2)

Ngài sanh ra trong gia đình của dân tộc *Mallà* ở *Anupiyà*. Khi mới bảy tuổi, ngài được thấy bậc Đạo Sư khi Thế Tôn viếng thăm xứ sở và nhà của ngài.

Ngài bị ảnh hưởng đến nỗi ngài xin phép bà nội cho được xuất gia với bậc Đạo Sư, mẹ ngài đã mất khi sanh ngài. Bà nội ngài đưa ngài đến yết kiến đức Phật và đức Phật giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho ngài. Ngài với nghiệp nhân quá khứ với ước vọng tương lai đang chín muồi, nên chứng được bốn quả liên tiếp chính trong khi ngài được cạo tóc.

Khi bậc Đạo Sư từ giả xứ *Mallà* để đi về Vương Xá, *Dabba* thiền quán một mình, và muốn dùng thân để phục vụ giáo hội và nhận công việc phân phối chỗ ngủ, tổ chức các buổi ăn. Bậc Đạo Sư chấp nhận công việc làm này, xác nhận sự thành công của ngài, khả năng thần thông của ngài, với ngón tay chói sáng của mình soi sáng cho các đồng Phạm hạnh về chỗ ngủ. Các sự việc này được nói đến trong Luật tạng. Khi bị các Tỷ-kheo theo phe với *Mettiya* và *Bhummajika* vu khống, làm hại và ngài được giáo hội che chở và biện minh, Tôn giả *Dabba* ý thức được lòng từ của mình đối với các vị khác, liền nói lên bài kệ như sau:

5. *Ai thật khó nhiếp phục,
Nay đã được nhiếp phục,
Dabba tự biết đủ,
Nghi ngờ được vượt qua,
Thắng trận, không sợ hãi,
Dabba trú tịch tịnh.*

(VI) Sila- Vaniya (Thera. 2)

Đây là bài kệ của Trưởng lão *Sambhùta*, ngài được sanh ở *Ràjagaha* (Vương Xá), con trai một Bà-lamôn có danh tiếng, tên là *Sambhùta*. Với ba người bạn *Bhùmija*, *Jeyyasena* và *Abhiràdana*. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp và ngài xuất gia. Khi đang tu tập thiền quán thân bất tịnh, ngài ở luôn luôn tại *Sitavana* (rừng mát) và được gọi là *Sitavaniya* (vị ở rừng mát).

Khi thấy các Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến đức Phật, ngài nói: 'Thưa các Hiền giả, các Hiền giả hãy đánh lễ bậc Đạo Sư thay mặt tôi và thưa với bậc Đạo Sư như sau:

6. Có Tỷ-kheo đi đến

Rừng Sitavana,

Sống một mình, độc cư,

Biết đủ, tâm nhập định,

Thắng trận, không kinh hoàng,

Kiên trì hộ thân niệm'.

(VII) Bhalliya (Thera. 2)

Với người anh là *Tapussa*, trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành *Pokkharavati*, con một người đánh xe cho đoàn lữ hành. Khi đoàn lữ hành đi ngang một khu rừng có bóng mát một đoạn đường bùn lầy ngăn đoàn lữ hành lại. Một vị thần cây, là người bà con hiện ra và nói: 'Thế Tôn vừa mới thành đạo và đang ngồi thiền bảy ngày dưới gốc cây. Hãy cúng dường đồ ăn. Như vậy, các người được hạnh phúc và lợi ích'. Cả lữ đoàn hoan hỷ, không chờ nấu cơm, đem bánh gạo và mật đến cúng dường Thế Tôn. Khi Thế Tôn chuyển pháp luân ở *Benares*, Thế Tôn đi đến Vương Xá. Ở đây, *Tapussa* và *Bhalliya* hầu hạ Ngài và nghe pháp, *Tapussa* trở thành một cư sĩ, còn *Bhalliya* thời xuất gia và thành tựu được sáu thắng trí.

Một ngày kia, Ác ma hiện ra dưới hình thức cực kỳ kinh hoàng, nhưng *Bhalliya* đã vượt qua mọi sợ hãi, nên nói lên bài kệ như sau, khiến Ác ma phải thất vọng:

7. Ai đuổi đi thần chết,

Với đạo binh của nó,

Những dòng nước lớn mạnh,

Trời cây lau yếu ớt,

Thắng trận, không sợ hãi,

Nhiếp phục, trú tịch tịnh.

(VIII) Vira (Thera. 2)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở *Sàvatthi* (Xá-vệ) trong gia đình vị bộ trưởng vua *Pasenadi* (Ba-tư-nặc), và được gọi là *Vira*. Ngài rất giỏi về thể thao và võ nghệ, và trở thành một chiến sĩ. Sau khi lập gia đình với sự bằng lòng của mẹ cha, ngài có một đứa con trai. Thấy sự khổ lụy, tiếp tục tái sanh, ngài xuất gia và nhiệt tâm tinh cần, ngài chứng được sáu thắng trí. Khi đã thành vị A-la-hán và sống thọ hưởng an lạc giải thoát, vợ của ngài muốn cám dỗ ngài trở về với gia đình bằng nhiều hình thức. Nhưng Tôn giả nói rằng: 'Người đàn bà này muốn cám dỗ ta, không khác gì người muốn xô ngã núi *Sineru* với cánh một con ruồi'. Và ngài thuyết lên bài kệ này để nói rằng sự cám dỗ của vợ cũ của ngài thật là vô ích:

8. Ai thật khó nhiếp phục

Nay đã được nhiếp phục,

Vira tự thỏa mãn,

Nghi ngờ được vượt qua,

Thắng trận, không kinh hoàng,

Vira trú tịch tịnh.

Người đàn bà nghe ngài nói rất lấy làm xúc động và nghĩ rằng: 'Chồng ta đã thành đạt thù thắng như vậy. Vậy đời sống gia đình có gì là tốt đẹp cho ta'. Rồi đi đến tịnh xá các Tỷ-kheo-ni xin được xuất gia và chứng được ba minh.

(IX) Pilinda-Vaccha (Thera. 2)

Ngài sanh ở *Sàvatthi*, là con một Bà-la-môn, trước khi Thế Tôn thành đạo và được đặt tên là *Pilinda*. *Vaccha* là tên của dòng họ. Ngài trở thành một ẩn sĩ và được một bùa phép tên là Tiểu *Gandhàra* (có thể đi trên hư không và tha tâm thông) và nhờ vậy được nổi danh. Khi đức Phật thành đạo, bùa phép này

không còn hiệu lực. Khi ngài nghe được bùa phép Đại *Gandhàra* làm bùa phép tiêu *Gandhàra* mất hiệu lực, ngài kết luận Sa-môn *Gotama* biết được bùa phép Đại *Gandhàra* và ngài đến hầu hạ đức Phật để học cho được bùa phép ấy, đức Phật dạy: 'Phải xuất gia', ngài tưởng rằng xuất gia là điều kiện để chúng được bùa phép nên vâng lời theo. Đức Phật dạy ngài Chánh pháp và phương pháp thiền quán, chẳng bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Nhờ sự hướng dẫn của *Pilinda* trong một đời trước, được sanh làm chư Thiên, vị này hầu hạ ngài sớm chiều để tỏ lòng biết ơn. Do vậy, ngài được xem là vị Tỷ-kheo được chư Thiên ái kính, và được đức Phật xác nhận cho địa vị ấy.

Một hôm, Tôn giả *Pilinda* ngồi giữa hội chúng Tỷ-kheo, suy tư đến sự thành tựu của mình, tuyên bố cho chúng biết bùa phép ấy đã đưa ngài đến gặp Thế Tôn và nói lên bài kệ này:

9. *Lời khuyên đến, tốt lành!*

Lời không tốt, không đến!

Lời khuyên đến với ta,

Không thuộc về tà ác!

Giữa các pháp phân biệt,

Ta đến pháp tối thượng.

(X) Punnamàsa (Thera. 3)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh làm con của *Samiddhi*, một Bà-la-môn ở *Savatthi*, ngài xuất gia được khi sanh được đứa con trai, thọ giới dưới sự hướng dẫn của đức Phật, và lấy bốn sự thật làm đề tài để thiền quán và ngài chứng được quả A-la-hán. Vợ cũ của ngài tìm cách cám dỗ ngài, trang điểm rất đẹp mắt đến thăm ngài, và đem theo đứa con trai. Nhưng ngài hoàn toàn giải thoát, không còn vương bận gì và nói lên bài kệ này:

10. *Ta sống không mong chờ,*

Đời này hay đời sau,

Vị đã đạt trí tuệ,

An tịnh, tự chế ngự,

Không dính nhiễm các pháp,

Biết sanh diệt của đời.

Vợ của ngài nghĩ rằng: 'Vị Trưởng lão này không để ý gì đến ta và con ta nữa, ta không thể cám dỗ ngài' nên nàng bỏ đi.

PHẨM HAI

(XI) Cùlagavaccha (Thera. 3)

Ngài sanh là vị Bà-la-môn ở *Kosambi*, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia. Lúc bấy giờ các Tỷ-kheo ở *Kosambi* tranh cãi nhau, *Cùlagavaccha* không theo phe phái nào, trung thành với lời dạy của bậc Đạo Sư, phát triển trí tuệ và chứng quả A-la-hán. Thấy sự tranh cãi các Tỷ-kheo là nguyên nhân của sự thối thất, ngài hoan hỷ với thái độ không phe phái của mình và nói lên bài kệ:

11. *Tỷ-kheo nhiều hân hoan,*

Trong pháp Phật tuyên bố,

Đạt được đạo tịch tịnh,

Hành dừng lại an lạc.

(XII) Mahàgavaccha (Thera. 3)

Ngài sinh ra trong thời đức Phật tại thế, làm con của *Sammiddhi*, một Bà-la-môn ở làng *Nàlaka*, *Magadha*. Ngài xuất gia vì *Sàriputta* đã xuất gia, và ngài biết *Sàriputta* rất sáng suốt. Sau khi chứng quả A-la-hán, và thọ hưởng lạc giải thoát, ngài nói lên bài kệ để khích lệ các đồng Phạm hạnh tinh cần tu tập:

12. *Trí tuệ lực, giới hạnh,*

Định, thiền lạc, chánh niệm,

Chỉ ăn những món ăn

Dem lại quả tốt đẹp,

Ở đây, tham viễn ly,

Chờ đợi giờ mạng chung.

(XIII) Vanvaccha (Thera. 3)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Kapilavatthu*. Ngài sanh ra trong rừng, khi mẹ ngài đi vào

rừng viêng cảnh, và sanh tại đấy. Ngài trở thành một trong những đứa trẻ chơi cát với đức Phật trong tương lai. Vì ngài thích rừng núi, ngài được biết với tên là *Vanavaccha*. Về sau, khi ngài xuất gia, ngài sống trong rừng tinh tấn tu hành và chứng quả A-la-hán. Để tán thán hạnh ở rừng, ngài nói lên bài kệ này, đáp lời vị đồng Phạm hạnh đã hỏi ngài: 'Ngài thích thú gì ở rừng núi?' Ngài đáp: 'Thích thú thay, các ngôi rừng các ngọn núi!

3. *Đẹp sắc, mây xanh biếc,
Nước mát lạnh, chảy trong,
Kẻ chăn bò Inđà,
Che kín cả ngôi rừng,
Những ngôi núi đá ấy,
Làm hân hoan tâm ta!*

(XIV) *Sivaka (Thera. 3) (Một Sa-di phục vụ cho Vanavaccha).*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con người chị của *Vanavaccha*. Khi mẹ ngài được tin *Vanavaccha* xuất gia, thọ Đại giới, đã sống trong rừng. Mẹ ngài nói với ngài: 'Này *Sivaka*, con hãy xuất gia dưới sự chỉ dẫn của *Vanavaccha* và phục vụ cho ngài, vì nay ngài đã già!'. Ngài nghe theo lời mẹ xuất gia sống ở trong rừng phục vụ săn sóc *Vanavaccha*. Một hôm, khi đi đến gần làng, ngài bị đau nặng; khi thuốc không chữa được, ngài không về và Trưởng lão *Vanavaccha* đi tìm và thấy ngài bị đau. Sau khi cho ngài uống thuốc và săn sóc ngài, khi bình minh mới bắt đầu, vị Trưởng lão nói với ngài: 'Này *Sivaka*, từ khi ta xuất gia, ta không sống ở trong làng. Vậy chúng ta hãy đi vào rừng'. *Sivaka* trả lời: 'Dầu thân con ở trong làng, nhưng tâm con bao giờ cũng hướng về rừng núi. Vậy nay con tuy nằm ở đây, con sẵn sàng đi vào rừng'. Vị Trưởng lão cầm tay ngài, dắt ngài đi vào rừng, khích lệ ngài. Ngài nhờ sự khích lệ này, tự mình sách tấn và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên bài kệ của mình hợp chung lời vị Trưởng lão và lời mình, nói lên sự ưa thích sống viễn ly và quả chứng của mình, sự vắng lời thầy của mình và chứng đắc chánh trí:

14. *Thầy ta nói với ta,
'Hãy đi, Sivaka!'
Thân ta sống ở làng,
Nhưng tâm hướng về rừng,
Dầu còn nằm ta đi,
Người biết, không trói buộc.*

(XV) *Kunda Dhàna (Thera. 3)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi*, con một Bà-la-môn và được gọi là *Dhàna*. Thuộc lòng ba tập Vệ-đà, sau khi đã lớn tuổi, ngài nghe đức Phật thuyết pháp và xuất gia. Khi vua *Pasenadi* nước *Kosala* để ý đến ngài, cúng dường ngài các đồ dùng cần thiết nên ngài khỏi phải đi khát thực. Khi nàng *Subhaddà* mời bậc Đạo Sư và chúng Tỷ-kheo dùng cơm, lúc ấy *Kunda Dhàna* mới chứng tỏ quả chứng và sức mạnh của mình như đã được ghi chép trong tập số *Anguttara Nikàya*. Ngài nói lên các bài kệ này cho các vị Tỷ-kheo:

15. *Năm pháp Thầy cắt đứt,
Năm pháp Thầy từ bỏ,
Và năm pháp thượng nhân,
Thầy cố gắng tu tập,
Tỷ-kheo vượt năm ái,
Được gọi là 'vượt bậc lưu'.*

(XVI) *Belatthasisa (Thera. 3)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở *Sàvatthi* trong một gia đình Bà-la-môn. Trước khi đức Phật thành đạo, ngài đã xuất gia theo giáo đoàn của *Kassapa* ở *Uruvelà* và thờ lửa. Khi *Kassapa* được đức Phật giáo hóa, ngài là một trong ngàn người đệ tử của *Kassapa* chứng được quả A-la-hán, khi nghe đức Phật giảng kinh *Adittàpariyàyasutta* (Kinh Lửa Cháy).

Sau ngài trở thành vị giáo thọ của Tôn giả *Ananda*. Một hôm, nghĩ đến sự an lạc thuần tịnh của quả chứng, và sự tu hành ban sơ của mình, ngài nói lên bài kệ diễn tả sự hân hoan của ngài:

16. *Như vật hiền giống tốt
Với sừng, kéo cái cày,*

*Đi đứng không mệt nhọc,
Cũng vậy, ta ngày đêm,
Đi đứng không mệt nhọc,
Được lạc không thể vật.*

(XVII) Dāsaka (Thera. 4)

Do nghiệp của mình, ngài sanh vào thời đức Phật hiện tại, con của một người nô lệ của *Anāthapindika*, và được giao việc gác cửa vào tịnh xá *Jetavana*. Được nghe đức tánh và nguyện vọng của ngài, ông *Anāthapindika* giải thoát cho ngài khỏi vòng nô lệ và ngài nói ngài sẽ sung sướng nếu được xuất gia. Do vậy, ngài được xuất gia ngay. Nhưng khi được xuất gia, ngài trở thành biếng nhác, thụ động, tiêu cực, không chịu cố gắng để thoát khỏi sanh tử, và ngủ quá nhiều sau các bữa ăn. Khi đến thời thuyết pháp, ngài lựa một chỗ ngoài vòng Tăng chúng, tìm một góc và ngồi ngáy. Thế Tôn nghĩ đến việc làm trước của ngài, nên nói lên bài kệ này để khích lệ ngài:

*17. Ai hôn trầm, ăn nhiều,
Nằm ngủ, lẩn qua lại,
Như heo lớn, ăn no,
Kẻ ngu tiếp thai sanh.*

Khi nghe vậy, *Dasaka* trở thành dao động hốt hoảng và phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài suy nghĩ: 'Bài kệ của Thế Tôn đã khích lệ ta nhiều' và ngài nói lại bài kệ này. Như vậy, dầu cho bài kệ chống đối ăn nhiều, bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

(XVIII) Singālar-Pītar (Thera. 5)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình giàu có ở *Sāvattthi*, lập gia đình và đặt tên con là *Singālaka* và tự mình được gọi là *Singāla-pītar* (cha của *Singāla*). Về sau ngài từ bỏ gia đình và xuất gia. Thế Tôn biết được căn cơ xu hướng của ngài, dạy ngài đề tài thiền quán là bộ xương người. Dùng đề tài này để thiền quán, ngài sống giữa các dòng họ Thích-ca ở *Sumsumāragira*, tại khu rừng *Bhesakalā*. Trong rừng ấy, một thần rừng biết được ngài sẽ chứng được Thánh quả nên nói lên bài kệ này:

*18. Hãy nhìn trong khu rừng,
Rừng Bhesakala!
Một Tỷ-kheo đang sống,
Thừa tự lời Phật dạy,
Ngang thân địa đại này,
Tỏa khắp tướng bộ xương.
Ta nghĩ Tỷ-kheo ấy,
Mau đoạn tận dục tham.*

Nghe bài kệ này, vị Trưởng lão nghĩ rằng: 'Vị thần rừng này muốn ta cố gắng tu tập', nên ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Về sau, ngài nhớ lại bài kệ của thần rừng này và nói lên lại bài kệ ấy như là lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

(XIX) Kula (Thera. 4)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, xuất gia và vì tâm tư chưa được thăng bằng, ngài không chú tâm được trên một đề tài nhất định. Một ngày kia đi khát thực, ngài thấy người dẫn nước bằng cách đào cách kinh dẫn nước. Trong thành phố, ngài thấy người làm cung tên uốn nắn cung tên bằng nheo một con mắt như thế nào, và khi trở về với bình bát đầy đồ ăn, ngài thấy những người làm xe sửa soạn trục xe, bánh xe và vành xe như thế nào. Bước vào tịnh xá, dùng cơm xong, khi đang nghỉ trưa, ngài nghĩ đến ba phương pháp nhiếp phục này, và lấy chúng làm khích lệ và dùng chúng để tự mình tu tập, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Liên hệ những bài học này với sự tu tập tâm của mình, ngài nói lên lời chánh trí với bài kệ như sau:

*19. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm nên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc tự điều, điều thân.*

(XX) Ajita (Thera. 4)

Khi bậc Đạo Sư còn sống, ngài được sanh ở *Sāvattthi* con của một Bà-la-môn làm nghề đánh giá hàng

hóa cho vua *Kosala*. Ngài trở thành một ân sĩ tu theo *Bàvari*, một vị Bà-la-môn có học thức ở vườn *Kapittha* trên bờ sông *Godhàvari*. *Bàvari* bảo ngài cùng với *Tissa* và *Metteya* đi đến bậc Đạo Sư. *Ajita* được đức Phật cảm hóa, và xuất gia. Lựa một đề tài để thiền quán, ngài phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán. Ngài nói lên sự thắng trận của ngài với bài kệ này:

*20. Ta không có sợ chết,
Không ưa thích sanh mạng,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*